

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : SCONA TPPP 9212 GA

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Adhesion promoter and coupling agent

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
+65 3158 1074 (All languages)

**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Các bề mặt bị nhiễm bẩn sẽ rất trơn.

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Tránh tạo ra bụi; bụi phân tán trong không khí ở nồng độ đủ lớn và trong điều kiện có nguồn gây cháy thì có nguy cơ gây ra cháy nổ.

Sử dụng biện pháp thông gió và/hoặc kiểm soát kỹ thuật khi điều chế ở nhiệt độ cao nhằm tránh phơi nhiễm với hơi hóa chất.

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Carboxylated Polypropylene (Maleic anhydride)

**Thành phần nguy hiểm**

Không có thành phần nguy hiểm

**4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc : Gỡ bỏ kính áp tròng.

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

|                                                                    |                                                                                                                                                                                    |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| xúc với mắt                                                        | Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.<br>Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.                                                                               |
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa                             | : Giữ sạch đường hô hấp.<br>Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.<br>Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.<br>Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. |
| Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này | : Không có thông tin.                                                                                                                                                              |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị                                      | : Không có thông tin.                                                                                                                                                              |

**5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

|                                                |                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các phương tiện chữa cháy thích hợp            | : Bột<br>Carbon điôxit (CO <sub>2</sub> )<br>Hóa chất khô                                                                                   |
| Các phương tiện chữa cháy không thích hợp      | : Tia nước dung tích lớn                                                                                                                    |
| Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy             | : Các sản phẩm phân hủy nguy hại được tạo thành trong các điều kiện cháy.                                                                   |
| Các chất độc được sinh ra khi bị cháy          | : Carbon ôxit                                                                                                                               |
| Các phương pháp cứu hỏa cụ thể                 | : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất<br>Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. |
| Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa | : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.                                                                                  |

**6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

|                                                  |                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố | : Tránh tạo ra bụi.                                                                                                                 |
| Các cảnh báo về môi trường                       | : Không để tiếp xúc với đất, nước mặt hoặc nước ngầm.<br>Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.                               |
| Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố | : Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn.<br>Quét và dọn sạch bằng xẻng.<br>Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy. |

**7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN**

|                                                                               |                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ                                            | : Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.                                     |
| Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm | : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.<br>Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.                       |
| Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản                                 | : Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ. |
| Các chất cần tránh bảo quản                                                   | : Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.                                                     |

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

chung  
Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : < 40 °C

**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

Bảo vệ hô hấp : Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Bảo vệ tay  
Vật liệu : Găng tay bảo hộ

Ghi chú : Khi thao tác với vật liệu nóng, dùng găng chịu nhiệt.  
Mang găng tay thích hợp.

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể : Bộ quần áo bảo hộ

Các biện pháp vệ sinh : Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

**9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

Trạng thái : hạt  
Màu sắc : màu vàng nhạt  
Mùi đặc trưng : đặc tính  
Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu

Độ pH : không tan  
Điểm/ khoảng nóng chảy : 155 - 170 °C  
Phương pháp: DIN 53461

Điểm sôi ban đầu : Không áp dụng được  
Điểm cháy : Không áp dụng được

Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Chất rắn dễ cháy  
Giới hạn trên của cháy nổ : Không áp dụng được

Giới hạn dưới của cháy nổ : Không áp dụng được

Áp suất hóa hơi : Không áp dụng được

Tỷ trọng hơi tương đối : chưa có dữ liệu

Tỷ trọng tương đối : chưa có dữ liệu

Khối lượng riêng : Khoảng 0,90 g/cm<sup>3</sup>  
Phương pháp: DIN 53479

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

|                                       |   |                               |                        |
|---------------------------------------|---|-------------------------------|------------------------|
| Mật độ lớn                            | : | 0,45 - 0,55 g/cm <sup>3</sup> | Phương pháp: DIN 53466 |
| Độ hòa tan                            |   |                               |                        |
| Độ hòa tan trong nước                 | : | không tan                     |                        |
| Độ hòa tan trong các dung<br>môi khác | : | chưa có dữ liệu               |                        |
| Hệ số phân tán: n-<br>octanol/nước    | : | chưa có dữ liệu               |                        |
| Nhiệt độ tự cháy                      | : | Không áp dụng được            |                        |
| Nhiệt độ phân hủy                     | : | > 350 °C                      |                        |
| Độ nhớt                               |   |                               |                        |
| Độ nhớt, động lực                     | : | Không áp dụng được            |                        |

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

|                                                                   |   |                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng phản ứng                                                 | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                                                          |
| Tính ổn định                                                      | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                                                          |
| Phản ứng nguy hiểm                                                | : | Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.<br>Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.<br>Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí. |
| Các điều kiện cần tránh                                           | : | Các nguồn nhiệt trực tiếp.                                                                                                                        |
| Vật liệu không tương thích                                        | : | Các chất oxy hóa mạnh                                                                                                                             |
| Phản ứng phân hủy và các<br>sản phẩm độc của phản ứng<br>phân hủy | : | Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.                                                                                                 |

**11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Độc cấp tính****Sản phẩm:**Độc tính cấp theo đường : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
miệng**Ăn mòn/kích ứng da****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Kích thích hô hấp hoặc da****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)****Sản phẩm:**Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong ống thí nghiệmĐộc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong cơ thể**Tác nhân gây ung thư****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính sinh sản****Sản phẩm:**Ảnh hưởng đến khả năng : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
sinh sảnẢnh hưởng đến sự phát triển : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
của thai**STOT - Tiếp xúc một lần****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**STOT - Tiếp xúc lặp lại****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Lượng độc lặp lại****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính hô hấp****Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

**Thông tin khác****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá :

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác :  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Polymer rất lớn để có thể được hấp thụ.

**Khả năng tích lũy sinh học****Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Tích lũy không đáng kể trong các cơ thể sinh vật

**Độ linh động trong đất****Sản phẩm:**

Tính lưu động : Ghi chú: Sản phẩm này không tan và nổi trên nước.

**Các tác hại khác****Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

**13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ****Các biện pháp thải bỏ**

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN****Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**IATA-DGR**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Mã IMDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

**SCONA TPPP 9212 GA**

Mã sản phẩm: 000000000000129862

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/02/04

Ngày in 2026/02/11

**15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT****Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT****Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.